



- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III/2022 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Khoản mục	BCTC tổng hợp Quý III/2022	BCTC tổng hợp Quý III/2021	Biến động
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38	(15)	53

Các biến động cụ thể như sau:

### 1. Hoạt động kinh doanh.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ giảm 33 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (Quý III/2021: 54 tỷ đồng; Quý III/2022: 21 tỷ đồng).
- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong kỳ giảm 37 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (Quý III/2021: 55 tỷ đồng; Quý III/2022: 18 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ tăng 486 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (Quý III/2021: (472) tỷ đồng; Quý III/2022: 14 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do khoản hoàn nhập dự phòng phải thu giảm so với cùng kỳ năm 2021.

### 2. Hoạt động tài chính.

- Doanh thu tài chính trong kỳ giảm 23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (Quý III/2021: 128 tỷ đồng; Quý III/2022: 105 tỷ đồng).
- Chi phí hoạt động tài chính trong kỳ giảm 552 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 (Quý III/2021: 611 tỷ đồng; Quý III/2022: 59 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do trong Quý III/2022 dự phòng đầu tư vào Nhóm Công ty HNG giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III/2022.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG SƠN



# **HAGL Group**

## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2022

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 37

11/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.402.589.779</b>	<b>6.967.652.653</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>23.660.592</b>	<b>22.056.536</b>
111	1. Tiền		23.660.592	22.056.536
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.361.662.479</b>	<b>6.926.613.386</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	385.100.065	373.244.832
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	295.059.202	288.489.472
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.689.394.389	6.254.554.481
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.007.854.989	1.337.364.887
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.015.746.166)	(1.327.040.286)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>8.002.652</b>	<b>13.515.511</b>
141	1. Hàng tồn kho		11.706.057	17.218.916
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.703.405)	(3.703.405)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.264.056</b>	<b>5.467.220</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.532.912	66.189
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.603.565	2.273.452
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.337.993.479</b>	<b>7.994.976.094</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.550.449.018</b>	<b>2.092.255.262</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.706.590.117	2.458.562.524
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	213.139.599	233.981.241
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(369.280.698)	(600.288.503)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>172.930.809</b>	<b>178.264.309</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	147.652.630	152.986.130
222	Nguyên giá		290.159.528	290.323.802
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(142.506.898)	(137.337.672)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.278.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.171.973)	(15.171.973)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>60.633.155</b>	<b>62.606.294</b>
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(13.442.676)	(11.469.537)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>13.664.355</b>	<b>11.446.697</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.664.355	11.446.697
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>6.527.504.472</b>	<b>5.639.516.596</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	6.690.982.169	4.517.882.169
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	1.048.791.081	1.779.986.721
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13	(1.217.268.778)	(663.352.294)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.811.670</b>	<b>10.886.936</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	9.898.605	10.281.779
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.913.065	605.157
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>14.740.583.258</b>	<b>14.962.628.747</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.958.221.251</b>	<b>9.124.960.278</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.465.489.032</b>	<b>3.514.294.112</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	282.840.956	217.956.730
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.287.532	9.815.154
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.802.259	2.449.134
314	4. Phải trả người lao động		8.198.159	9.329.446
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.425.789.014	1.981.131.695
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	81.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	142.365.306	99.841.873
320	8. Vay ngắn hạn	20	593.102.296	1.193.584.752
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.492.732.219</b>	<b>5.610.666.166</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	531.089.843	653.649.038
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	4.948.610.915	4.943.908.006
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.835	5.442.496
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.782.362.007</b>	<b>5.837.668.469</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>5.782.362.007</b>	<b>5.837.668.469</b>
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	4. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối		(3.771.526.126)	(3.716.219.664)
421a	- Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.718.103.664)	(3.415.894.804)
421b	- Lỗ sau thuế chưa phân phối kỳ này		(53.422.462)	(300.324.860)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>14.740.583.258</b>	<b>14.962.628.747</b>

Nguyễn Thị Hạnh Thương  
Người lập

Ngày 26 tháng 10 năm 2022

Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2022

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	20.963.137	53.634.636	99.321.419	220.308.896
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-	-	(3.255.739)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	20.963.137	53.634.636	99.321.419	217.053.157
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(17.847.563)	(54.579.444)	(90.671.280)	(208.816.603)
20	5. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.115.574	(944.808)	8.650.139	8.236.554
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	104.710.444	128.306.479	390.278.301	815.604.898
22	7. Chi phí tài chính	24	(58.589.415)	(611.215.591)	(916.384.825)	(1.279.833.785)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(123.494.114)	(120.918.749)	(362.327.788)	(404.147.875)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(633.362)	(886.033)	(1.569.194)	(12.952.488)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(14.141.958)	472.346.833	493.596.610	74.439.752
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.461.283	(12.393.120)	(25.428.969)	(394.505.069)
31	11. Thu nhập khác	27	371.885	176.695	813.503	667.400
32	12. Chi phí khác	27	(894.412)	(4.500.461)	(31.114.904)	(8.956.291)
40	13. Lỗ khác	27	(522.527)	(4.323.766)	(30.301.401)	(8.288.891)



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

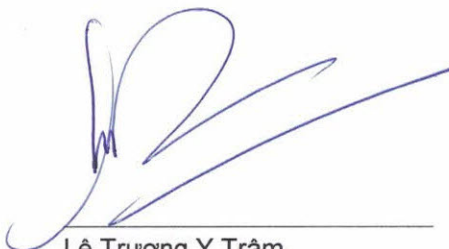
Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		33.938.756	(16.716.886)	(55.730.370)	(402.793.960)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		3.836.120	2.188.973	2.307.908	2.430.814
60	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		37.774.876	(14.527.913)	(53.422.462)	(400.363.146)



Nguyễn Thị Hạnh Thương  
 Người lập

Ngày 26 tháng 10 năm 2022



Lê Trương Y Trâm  
 Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn  
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2022

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(55.730.370)</b>	<b>(402.793.960)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	7.344.710	9.433.380
03	Dự phòng		11.614.559	764.834.980
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		(16.433.447)	5.247.259
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(374.117.581)	(815.207.097)
06	Chi phí lãi vay	24	362.327.788	404.147.875
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(64.994.341)</b>	<b>(34.337.563)</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		21.796.184	(351.890.578)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		5.512.859	(8.218.598)
11	Tăng các khoản phải trả		98.530.005	242.622.460
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.083.549)	342.965
14	Tiền lãi vay đã trả		(31.233.613)	(40.338.762)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.884.000)	(1.485.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>24.643.545</b>	<b>(193.305.076)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(38.071)	(228.717)
23	Tiền chi cho vay		(986.081.271)	(3.565.238.518)
24	Tiền thu hồi cho vay		790.941.062	1.618.580.750
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(27.500.000)	(108.511.316)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		792.676.940	3.224.851.488
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.961.851	14.712.570
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>581.960.511</b>	<b>1.184.166.257</b>

H. T. LA  
 H. T. LA  
 H. T. LA



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
34	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền trả nợ gốc vay		(605.000.000)	(983.142.899)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		<b>(605.000.000)</b>	<b>(983.142.899)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>1.604.056</b>	<b>7.718.282</b>
60	Tiền đầu kỳ	4	<b>22.056.536</b>	<b>18.717.492</b>
70	Tiền cuối kỳ	4	<b>23.660.592</b>	<b>26.435.774</b>



Nguyễn Thị Hạnh Thương  
 Người lập

Ngày 26 tháng 10 năm 2022



Lê Trương Y Trâm  
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2022

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo ba mươi (30) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh trái cây; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý III năm 2022 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |  |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang  | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 23 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3.9 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá ba (3) năm.

**3.12 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.16 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.17 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư*

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt tại quỹ	940.752	873.306
Tiền gửi ngân hàng	22.719.840	21.183.230
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.660.592</b>	<b>22.056.536</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.792.412	156.901.185
Phải thu thanh lý các khoản đầu tư	176.271.018	176.271.018
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	3.764.302	36.967.957
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định	50.000	1.798.337
Phải thu tiền bán căn hộ	1.222.333	1.306.335
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>385.100.065</u></b>	<b><u>373.244.832</u></b>

Phải thu ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 199.468.891 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (*Thuyết minh số 29*).

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	<u>295.059.202</u>	<u>288.489.472</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 286.841.877 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (*Thuyết minh số 29*).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.643.639.103	6.182.020.478
Trong đó:		
- Cho vay ngắn hạn các bên liên quan khác (ii)	3.270.054.770	4.791.351.953
- Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") và các công ty con của HNG ("Nhóm HNG") (iii)	1.132.764.451	1.351.784.995
- Cho vay ngắn hạn các công ty con (i)	240.819.882	38.883.530
Cho vay ngắn hạn các công ty và cá nhân khác (iv)	45.755.286	72.534.003
	<b>4.689.394.389</b>	<b>6.254.554.481</b>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.688.820.486	2.441.079.159
Trong đó:		
- Cho vay dài hạn các công ty con (i)	1.309.398.209	874.731.307
- Cho vay dài hạn các bên liên quan khác (ii)	-	808.000.620
- Cho vay dài hạn Nhóm HNG (iii)	379.422.277	758.347.232
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (v)	17.769.631	16.983.365
Cho vay dài hạn các công ty khác (iv)	-	500.000
	<b>1.706.590.117</b>	<b>2.458.562.524</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.395.984.506</b>	<b>8.713.117.005</b>

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp các công ty con có thời hạn hoàn trả từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 2 năm 2025.
- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan khác có thời hạn hoàn trả từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 3 năm 2025.
- (iii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các công ty thuộc Nhóm HNG có thời hạn hoàn trả từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 2 năm 2023.
- (iv) Cho vay các công ty khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022.
- (v) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản cho vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	1.948.472.605	1.253.800.247
Phải thu các công ty khác	47.155.654	50.521.091
Phải thu nhân viên	7.266.553	28.332.807
Lãi cho vay các công ty	3.101.782	4.339.602
Các khoản khác	1.858.395	371.140
	<b>2.007.854.989</b>	<b>1.337.364.887</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	212.624.919	233.221.894
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	514.680
Các khoản khác	-	244.667
	<b>213.139.599</b>	<b>233.981.241</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.220.994.588</b>	<b>1.571.346.128</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nguyên vật liệu	7.009.262	10.233.748
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.708.720	4.963.988
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	2.708.720	4.963.988
Hàng hóa	1.868.245	1.882.855
Công cụ, dụng cụ	61.494	79.990
Thành phẩm	58.336	58.335
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.706.057</b>	<b>17.218.916</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.703.405)	(3.703.405)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>8.002.652</b>	<b>13.515.511</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	227.679.188	19.454.629	32.425.240	3.967.245	6.689.440	108.060	290.323.802
Mua mới trong kỳ	-	-	-	38.071	-	-	38.071
Thanh lý trong kỳ	-	-	(202.345)	-	-	-	(202.345)
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	227.679.188	19.454.629	32.222.895	4.005.316	6.689.440	108.060	290.159.528
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(81.013.436)	(18.772.756)	(27.561.373)	(3.192.607)	(6.689.440)	(108.060)	(137.337.672)
Khấu hao trong kỳ	(4.212.617)	(107.519)	(866.027)	(185.408)	-	-	(5.371.571)
Thanh lý trong kỳ	-	-	202.345	-	-	-	202.345
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	(85.226.053)	(18.880.275)	(28.225.055)	(3.378.015)	(6.689.440)	(108.060)	(142.506.898)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	146.665.752	681.873	4.863.867	774.638	-	-	152.986.130
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	142.453.135	574.354	3.997.840	627.301	-	-	147.652.630



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Ngàn VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2022	25.278.179	15.171.973	40.450.152
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2022	-	(15.171.973)	(15.171.973)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2022	25.278.179	-	25.278.179

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Ngàn VND

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2022	27.072.022	47.003.809	74.075.831
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(4.436.365)	(7.033.172)	(11.469.537)
Khấu hao trong kỳ	(554.546)	(1.418.593)	(1.973.139)
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	(4.990.911)	(8.451.765)	(13.442.676)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	22.635.657	39.970.637	62.606.294
Ngày 30 tháng 9 năm 2022	22.081.111	38.552.044	60.633.155

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	6.690.982.169	(758.007.391)	4.517.882.169	(657.192.253)
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000	(5.000.000)	5.000.000	(5.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)	1.048.791.081	(454.261.387)	1.779.986.721	(1.160.041)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.744.773.250</b>	<b>(1.217.268.778)</b>	<b>6.302.868.890</b>	<b>(663.352.294)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.1 Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 9 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Trồng trọt và dịch vụ chăn nuôi	Đang hoạt động	98,00	2.489.291.000	(650.458.785)	98,00	2.489.291.000	(549.643.647)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Gia súc Lơ Pang") (*)	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi và trồng trọt	Đang hoạt động	90,00	2.145.600.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi và trồng trọt	Đang hoạt động	88,03	1.822.042.563	-	88,03	1.822.042.563	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	Đang hoạt động	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	55,00	27.500.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>6.690.982.169</b>	<b>(758.007.391)</b>		<b>4.517.882.169</b>	<b>(657.192.253)</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty đã mua 90,00% cổ phần Gia súc Lơ Pang từ Công ty Cổ phần Lê Me với tổng giá trị 2.145.600.000 ngàn VND. Theo đó, Gia súc Lơ Pang trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi	9,44	1.041.431.040	(453.101.346)	16,07	1.772.626.680	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	-	2,00	6.200.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	(1.160.041)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.048.791.081</b>	<b>(454.261.387)</b>		<b>1.779.986.721</b>	<b>(1.160.041)</b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền thuê đất trả trước	8.522.988	8.976.556
Công cụ, dụng cụ	999.545	848.604
Chi phí trả trước dài hạn khác	376.072	456.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.898.605</b>	<b>10.281.779</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả mua hàng hóa dịch vụ	282.840.956	217.956.730

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 254.021.861 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (*Thuyết minh số 29*).

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	10.287.532	9.815.154

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 8.640.087 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (*Thuyết minh số 29*).

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Thuế giá trị gia tăng	1.904.213	1.494.860
Thuế thu nhập cá nhân	831.593	889.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	65.230	65.230
Các khoản khác	1.223	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.802.259</b>	<b>2.449.134</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

## 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	2.405.402.842	1.960.969.925
Trong đó:		
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.375.542.612	1.922.626.080
Chi phí lãi vay tổ chức, cá nhân	29.860.230	38.343.845
Chi phí hoạt động	17.375.109	17.304.159
Các khoản khác	3.011.063	2.857.611
	<b>2.425.789.014</b>	<b>1.981.131.695</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	531.089.843	653.649.038
Trong đó:		
Chi phí lãi vay ngân hàng	531.089.843	653.649.038
	<b>531.089.843</b>	<b>653.649.038</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.956.878.857</b>	<b>2.634.780.733</b>

## 19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	71.987.528	24.768.503
Các khoản khác	70.377.778	75.073.370
	<b>142.365.306</b>	<b>99.841.873</b>
<b>Dài hạn</b>		
Các khoản khác	7.666.626	7.666.626
	<b>7.666.626</b>	<b>7.666.626</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.031.932</b>	<b>107.508.499</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

## 20. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả trong vòng một năm	593.102.296	1.193.584.752
<b>Vay dài hạn</b>		
Trái phiếu thường trong nước	4.948.610.915	4.943.908.006
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.541.713.211</b>	<b>6.137.492.758</b>

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.271.000.000	5.876.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(29.286.789)	(38.507.242)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.541.713.211</b>	<b>6.137.492.758</b>
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn	4.948.610.915	4.943.908.006
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	593.102.296	1.193.584.752

30/11/2022  
 AN  
 GIA  
 ALI  
 NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2020

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
<b>9 tháng năm 2021</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2020	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(6.678.268.588)	6.139.478.329
Lỗi sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	(400.363.146)	(400.363.146)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để cân trừ lỗi lũy kế	-	(3.263.858.784)	-	-	3.263.858.784	-
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2021</b>	<b>9.274.679.470</b>	<b>-</b>	<b>(686.640)</b>	<b>279.895.303</b>	<b>(3.816.257.950)</b>	<b>5.737.630.183</b>
<b>9 tháng năm 2022</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2021	9.274.679.470	-	(686.640)	279.895.303	(3.716.219.664)	5.837.668.469
Lỗi sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	(53.422.462)	(53.422.462)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(1.884.000)	(1.884.000)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2022</b>	<b>9.274.679.470</b>	<b>-</b>	<b>(686.640)</b>	<b>279.895.303</b>	<b>(3.771.526.126)</b>	<b>5.782.362.007</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>20.963.137</b>	<b>53.634.636</b>	<b>99.321.419</b>	<b>220.308.896</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	12.831.045	52.202.858	78.747.274	210.077.758
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.132.092	1.431.778	20.574.145	10.231.138
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>				
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	-	-	<b>(3.255.739)</b>
	-	-	-	<b>(3.255.739)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>20.963.137</b>	<b>53.634.636</b>	<b>99.321.419</b>	<b>217.053.157</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	12.831.045	52.202.858	78.747.274	206.822.019
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.132.092	1.431.778	20.574.145	10.231.138



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**22. DOANH THU** (tiếp theo)

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	95.296.612	127.998.812	313.596.922	351.910.389
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	-	60.049.183	462.922.280
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.402.077	13.197	16.433.447	397.800
Cổ tức	-	-	-	79.956
Doanh thu tài chính khác	11.755	294.470	198.749	294.473
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>104.710.444</b>	<b>128.306.479</b>	<b>390.278.301</b>	<b>815.604.898</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	12.785.489	52.033.393	77.929.564	198.174.278
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.062.074	2.546.051	12.741.716	10.642.325
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.847.563</b>	<b>54.579.444</b>	<b>90.671.280</b>	<b>208.816.603</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính dài hạn				
Chi phí lãi vay	(64.904.699)	486.130.988	553.916.484	859.566.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	123.494.114	120.918.749	362.327.788	404.147.875
Các khoản khác	-	4.165.854	-	5.914.078
	-	-	140.553	10.205.140
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.589.415</b>	<b>611.215.591</b>	<b>916.384.825</b>	<b>1.279.833.785</b>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	231.947	450.592	537.747	11.726.011
Chi phí lương nhân viên	93.153	207.282	286.428	621.837
Chi phí khác	308.262	228.159	745.019	604.640
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>633.362</b>	<b>886.033</b>	<b>1.569.194</b>	<b>12.952.488</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	8.463.029	8.529.938	25.048.212	25.715.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.310.277	3.123.815	18.016.618	10.477.435
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.089.909	1.468.217	3.295.669	4.651.331
Hoàn nhập dự phòng	-	(486.130.989)	(542.301.926)	(117.087.099)
Chi phí khác	278.743	662.186	2.344.817	1.802.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.141.958</b>	<b>(472.346.833)</b>	<b>(493.596.610)</b>	<b>(74.439.752)</b>

**27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>371.885</b>	<b>176.695</b>	<b>813.503</b>	<b>667.400</b>
Thanh lý tài sản cố định	272.727	-	272.727	-
Các khoản khác	99.158	176.695	540.776	667.400
<b>Chi phí khác</b>	<b>894.412</b>	<b>4.500.461</b>	<b>31.114.904</b>	<b>8.956.291</b>
Đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	36.214	-	23.859.374	-
Các khoản phạt	244.699	4.286	5.382.352	224.381
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	329.665	426.415	989.004	1.241.926
Các khoản khác	283.834	4.069.760	884.174	7.489.984
<b>LỖ KHÁC</b>	<b>(522.527)</b>	<b>(4.323.766)</b>	<b>(30.301.401)</b>	<b>(8.288.891)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

*Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>9 tháng năm 2022</i>	<i>9 tháng năm 2021</i>
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(55.730.370)</b>	<b>(402.793.960)</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	46.335.993	4.980.338
Các khoản phạt	3.234.555	20.441
Chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(17.623.388)	5.705.368
Thu nhập từ cổ tức	-	(79.959)
Dự phòng đầu tư	553.916.484	859.566.692
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(540.657.309)	(126.724.193)
Các khoản khác	23.859.374	3.815.000
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>13.335.339</b>	<b>344.489.727</b>
Lỗ các năm trước chuyển sang	(13.335.339)	(344.489.727)
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	65.230	65.230
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b> <i>(Thuyết minh số 17)</i>	<b>65.230</b>	<b>65.230</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND
			Số tiền
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Lãi cho vay	181.315.463
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	78.737.075
		Mua hàng hóa	65.338.027
		Lãi cho vay	29.654.978
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	35.299.328
		Mua hàng hóa	1.241.048
		Bán hàng hóa	23.959
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay	27.829.203
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay	22.862.842
		Mua hàng hóa	55.801
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	10.183.954
		Bán hàng hóa	97.491
		Mua hàng hóa	33.285
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua dịch vụ	4.000.000
		Bán hàng hóa	393.701
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	3.027.306
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	1.874.921
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.199.133
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	387.205
		Bán hàng hóa	50.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> (Thuyết minh số 5)			
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	184.763.023
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	5.456.077
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	5.144.979
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Hợp đồng xây dựng	3.764.302
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	340.510
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>199.468.891</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 6)			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	2.753.404.202
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	1.132.764.450
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	398.797.080
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	151.835.651
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	117.853.488
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	49.900.702
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	38.883.530
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.643.639.103</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2022

**29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
<i>Ngàn VND</i>			
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	607.132.489
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	519.148.888
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	252.119.446
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	183.116.833
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	110.822.487
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	16.480.343
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.688.820.486</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	579.218.173 22.222.445
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Lãi cho vay	595.334.345
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	423.361.069 922.245
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	169.808.497
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	57.884.552
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	52.519.917 1.322.000
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	38.495.238 1.520.465
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Lãi cho vay	4.810.255
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	1.053.404
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.948.472.605</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	86.839.670
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	71.585.959
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay	42.103.073
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên quan	Lãi cho vay	10.485.970
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.610.247
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>212.624.919</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i></b>			
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	225.436.488
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	15.503.068
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	8.982.932
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.699.175
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.400.198
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>254.021.861</u></b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	<u>8.640.087</u>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</i></b>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	37.700.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Thu hộ	10.415.275
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Thu hộ	1.102.503
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>71.987.528</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2022

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

  
Nguyễn Thị Hạnh Thương  
Người lập

  
Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng

  
  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 10 năm 2022